

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh;
2. Ông Lê Gia Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Ánh T, sinh năm 1995, nơi cư trú: tổ 3, ấp VK 1, xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Ông Nguyễn Văn Ta, sinh năm 1992, nơi cư trú: tổ 4, khóm VX, phường NS, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bà T, ông Ta vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Ánh T trình bày: Bà T và ông Ta tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố X, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau. Cuộc sống chung không còn hòa hợp và không thể hàn gắn được. Nhận thấy, tình cảm không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Ta.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông Ta có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/02/2016 hiện đang sống cùng ông Ta nên bà T đồng ý giao con chung cho ông Ta tiếp tục nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Ta trình bày: Thống nhất ý kiến của bà T về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau nên ông Ta đồng ý ly hôn với bà Đỗ Ánh T.

Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Ta nhưng do ông Ta vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Ánh T và ông Nguyễn Văn Ta do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên được xem là là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Nguyên đơn bà T cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn về tình cảm. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Ta. Bị đơn ông Ta thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà T. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về con chung: Con chung Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/02/2016 hiện do ông Ta nuôi dưỡng và ông có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; bà T đồng ý ông Ta tiếp tục nuôi con, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu nên không đề cập.

Căn cứ vào các Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Ánh

T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ta; giao con chung Nguyễn Văn A cho ông Ta tiếp tục nuôi dạy; bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đỗ Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Ta. Ông Ta cư trú tại khóm VX, phường NS, thành phố X. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đỗ Ánh T, ông Nguyễn Văn Ta vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông Ta.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Ánh T và ông Nguyễn Văn Ta chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố X theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 07/3/2016 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà T, ông Ta đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông Ta cho rằng trong thời gian sống chung không hợp nhau nên ông Ta cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà T với ông Ta là trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Ta theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông Ta cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/02/2016. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung đến nay, cháu A sống cùng với ông Ta và ông Ta có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu A. Bà T cũng đồng ý giao cháu A cho ông Ta tiếp tục nuôi dạy. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/02/2016 cho ông Ta tiếp tục nuôi dạy.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Ta không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông Ta khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Đỗ Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp.

Ông Nguyễn Văn Ta không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Bà T, ông Ta có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ánh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ta.

[2] Về con chung:

Ông Nguyễn Văn Ta được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/02/2016 cho đến tuổi trưởng thành. Bà Đỗ Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Ta cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Đỗ Ánh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Đỗ Ánh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001948 ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; bà Đỗ Ánh T đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn Ta không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 07/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Đỗ Ánh T và ông Nguyễn Văn Ta là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiên